

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.
2. Ông Nguyễn Chí Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX – ST, ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh K; có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trương Thị B trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tác ý. Trong quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1996, các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Bà B khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông L, do các con đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2018 và tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2018 bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà B chung sống như vợ chồng từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Ông, bà có hai người con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1996. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của các bà B. Về con chung, các con đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Ông L có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Xẻo Dầu, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà B và ông L chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà B và ông L không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Ông, bà có hai người con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Châu Đ1, sinh năm 1996. Xét thấy, các cháu đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002309 ngày 08/01/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị B và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ông, bà có hai người con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1996. Các cháu đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002309 ngày 08/01/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Tú